

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2017

V/v “tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Túy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân.

2. Bà Trần Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 143/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:56/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 32A/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Diệu H, sinh năm 1970;

Bị đơn: Ông Đỗ Trọng L, sinh năm 1969.

Cùng hộ khẩu thường trú: Tổ 4, thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa _ Vũng Tàu.

Cùng chỗ ở hiện nay: Tổ 01, thôn A, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Bà H vắng mặt – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn, các văn bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Diệu H trình bày:

Bà Nguyễn Diệu H và ông Đỗ Trọng L tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn ngày 26-3-1999 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, ông L thường xuyên đánh bà H làm cho tâm trạng của bà H lúc nào cũng hoang mang lo lắng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng kéo dài nên hai người đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay bà Nguyễn Diệu H

không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Trọng L.

Về con chung: Bà Nguyễn Diệu H và ông Đỗ Trọng L có 05 người con chung gồm cháu Đỗ Ngọc Diệu D, sinh ngày 27-9-1999; cháu Đỗ Trọng Minh Q, sinh ngày 28-12-2000; cháu Đỗ Trọng Diệu N, sinh ngày 12-12-2002; cháu Đỗ Ngọc Hương G, sinh ngày 04-6-2006 và cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 06-11-2014. Hiện nay, cháu Đỗ Ngọc Diệu D đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 04 người con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Diệu H và ông Đỗ Trọng L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 15 -5-2017, bị đơn ông Đỗ Trọng L trình bày:

Ông Đỗ Trọng L đồng ý với trình bày của bà Nguyễn Diệu H về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông L và bà H tìm hiểu nhau rồi đi đến sống chung với nhau, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 26-3-1999 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai như trình bày của bà H là đúng. Về mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2012 mà nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, bà H không chung thủy, không quan tâm và lo lắng cho ông L nên nhiều lần vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau nên ông L có đập điện thoại của bà H nên hai người đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Ông L và bà H đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông L xin cho ông L thời gian là 10 ngày kể từ ngày hòa giải là ngày 15-5-2017 để ông L suy nghĩ, nếu hết 10 ngày mà không sống chung được thì ông L đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Đỗ Trọng L và bà Nguyễn Diệu H có 05 người con chung gồm cháu Đỗ Ngọc Diệu D, sinh ngày 27-9-1999; cháu Đỗ Trọng Minh Q, sinh ngày 28-12-2000; cháu Đỗ Trọng Diệu N, sinh ngày 12-12-2002; cháu Đỗ Ngọc Hương G, sinh ngày 04-6-2006 và cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 06-11-2014. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 05 người con chung và yêu cầu ông L đồng ý cấp dưỡng để bà H nuôi 05 người con chung là 2.500.000đồng/tháng thì ông L đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đỗ Trọng L và bà Nguyễn Diệu H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp; thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là bà Nguyễn Diệu H chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Đỗ Trọng L đã được Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng ông L vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Diệu H; Về con chung: Bà H và ông L có 05 người con chung nhưng đến nay thì cháu D đã trưởng thành trên 18 tuổi còn lại 04 người con chung thì cần chấp nhận sự thỏa thuận giữa bà H và ông L cụ thể là bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 04 người con chung; ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung bà H và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Diệu H và ông Đỗ Trọng L đăng ký kết hôn ngày 26-3-1999 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nay bà H yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; nơi cư trú của ông Đỗ Trọng L có Hộ khẩu thường trú là xã N, huyện C còn chỗ ở hiện nay là xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ngày 26-10-2017, Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng ông L vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 15-11-2017 nhưng tại phiên tòa ông L vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do còn bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Diệu H và ông Đỗ Trọng L là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Diệu H và ông Đỗ Trọng L sống chung với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 26-3-1999 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

[4] Quá trình sống chung đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau nên hai người đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong quá trình sống ly thân thì ông L và bà H cũng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng đều không có kết quả. Nay bà H cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông L còn ông L cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài và không thể hàn gắn được và ông L xin 10 ngày để suy nghĩ và trong thời gian này nếu không thể đoàn tụ được thì ông L đồng ý ly hôn.

[5] Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà H, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để bà H và ông L hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng ông L chỉ tham gia một lần duy nhất còn các lần Tòa án triệu tập và hòa giải thì ông L đều vắng mặt điều đó chứng tỏ ông L không có thiện chí để hàn gắn tình cảm gia đình. Tại bản tự khai và hòa giải thì ông L thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng không thể đoàn tụ và ông L xin 10 ngày để suy nghĩ và trong thời gian này nếu không thể đoàn tụ được thì ông L đồng ý ly hôn.

[6] Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Diệu H được ly hôn với ông Đỗ Trọng L.

[7] *Về quan hệ con chung*: Bà Nguyễn Diệu H và ông Đỗ Trọng L có 05 con chung gồm cháu Đỗ Ngọc Diệu D, sinh ngày 27-9-1999; cháu Đỗ Trọng Minh Q, sinh ngày 28-12-2000; cháu Đỗ Trọng Diệu N, sinh ngày 12-12-2002; cháu Đỗ Ngọc Hương G, sinh ngày 04-6-2006 và cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 06-11-2014. Hiện nay, cháu Đỗ Ngọc Diệu D đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 04 người con chung là cháu Q, cháu N, cháu G, cháu K và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy các cháu Q, N, G và K còn nhỏ, bà H hiện đang nuôi dưỡng tốt và ông L cũng đồng ý giao các cháu Q, N, G và K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên cần áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận giao con chung là các cháu Q, N, G và K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

[8] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Diệu H và ông Đỗ Trọng L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] *Về án phí*: Bà Nguyễn Diệu H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Diệu H được ly hôn với ông Đỗ Trọng L.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Diệu H và ông Đỗ Trọng L có 05 con chung gồm cháu Đỗ Ngọc Diệu D, sinh ngày 27-9-1999; cháu Đỗ Trọng Minh Q, sinh ngày 28-12-2000; cháu Đỗ Trọng Diệu N, sinh ngày 12-12-2002; cháu Đỗ Ngọc Hương G, sinh ngày 04-6-2006 và cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 06-11-2014.

Hiện nay, cháu Đỗ Ngọc Diệu D đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Đỗ Trọng Minh Q, sinh ngày 28-12-2000; cháu Đỗ Trọng Diệu N, sinh ngày 12-12-2002; cháu Đỗ Ngọc Hương G, sinh ngày 04-6-2006 và cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 06-11-2014 cho bà Nguyễn Diệu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Diệu H không yêu cầu ông Đỗ Trọng L cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đỗ Trọng L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Diệu H và ông Đỗ Trọng L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Diệu H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006446 ngày 27 -4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Bà Nguyễn Diệu H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết, bà Nguyễn Diệu H và ông Đỗ Trọng L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND.tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự huyện Châu Đức;
- UBND xã X, huyện X, Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Túy